

Bản án số: **32/2022/HS-ST**

Ngày: **23-5-2022**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Kim Tuyền

Nghề nghiệp: Giáo viên.

Ông Nguyễn Thanh Hải

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh huyện Hồng Ngự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày **23** tháng **5** năm **2022**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm **công khai** vụ án hình sự thụ lý số: **12/2022/TLST-HS** ngày **22** tháng **3** năm **2022** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **22/2022/QĐXXST-HS** ngày **04** tháng **5** năm **2022** đối với các bị cáo:

1. Dương Quốc T, sinh năm 1994, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Quốc D và bà Thái Thị Bích L; có vợ và **01 con**; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: 01 lần, Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 03/QĐ-TA ngày 09 tháng 02 năm 2017, thời hạn 20 tháng, chấp hành xong ngày 28 tháng 6 năm 2018; bị bắt tạm giam: Ngày 09 tháng 12 năm 2021; có mặt.

2. Trần Văn C (còn có tên là Năm C), sinh năm 1971, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12 (tại phiên tòa bị cáo khai không biết chữ); dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Tiêu Thị H (đã chết); có vợ đã ly hôn và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam: Ngày 09 tháng 12 năm 2021; có mặt.

3. Võ Quốc T1, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2004, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Bảo T2 và bà Trần Thị T3; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam: Ngày 09 tháng 12 năm 2021; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Quốc T1:* Ông Võ Bảo T4, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; là cha của bị cáo; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

1. Ông Hồ Thanh H là Luật sư thành viên của Văn phòng Luật sư L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: XX Võ Văn K, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; bào chữa cho bị cáo T1; **có mặt.**

2. Ông Ngô Quang T5 là Luật sư của Văn phòng Luật sư Quang T5, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: XX Lê Hồng P, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; bào chữa cho bị cáo T; **có mặt.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Hoài B, sinh năm: 1997. Nơi cư trú: Ấp P B, xã P B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Võ Văn T6, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Ấp P B, xã P A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Võ Văn X; có mặt; Dương Chí M, Nguyễn Văn T7, Huỳnh Bảo T8 (Ông Nguyễn Bảo H1 giám hộ), Trần Thanh C1, Phạm Hoài N; **đều vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 10 phút, ngày 02/8/2021, Công an xã L phối hợp với Y tế, tổ chức chốt kiểm soát phòng chống dịch Covid-19 tại Bến đò số X thuộc ấp L, xã L, huyện H phát hiện Võ Quốc T1, sinh ngày 25/5/2004 có nhiều biểu hiện nghi vấn, nên kiểm tra và phát hiện 01 bịch nylon màu đen (đang cầm), bên trong có chứa chai dung dịch vệ sinh mũi nhãn hiệu CHEKAT, tiến hành kiểm tra bên trong nắp chai phát hiện 01 bịch nylon được hàn kín 04 đầu chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng (nghĩ là ma túy) được quán bằng 01 đoạn băng keo vải màu trắng.

Qua làm việc T1 thừa nhận tinh thể rắn trong bịch nylon là ma túy đá, nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Xét thấy, có dấu hiệu tội phạm nên Công an xã L chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng Ngự tiếp tục điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chai dung dịch vệ sinh mũi, nhãn hiệu CHEKAT, có nắp đậy màu hồng, thân chai màu xanh-trắng và 01 (một) bịch nilong, hàn kín bốn đầu có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng (nghỉ là ma túy) được bỏ vào bì thư niêm phong lại có chữ ký của Trần Thanh D, Võ Bảo T4, Võ Quốc T1, Nguyễn Văn Q và đóng dấu tròn màu đỏ của Công an xã L;

- 01 (một) bịch nilong, màu đen;

- 01 (một) đoạn băng keo vải màu trắng;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen, đã qua sử dụng; có gắn 02 sim, số sim 1 là 0586194797, số sim 2 là 0798079186 là tài sản bị cáo T1, nhưng bị cáo T1 đưa bị cáo T sử dụng để liên lạc để mua ma túy, cùng nhau sử dụng;

- 01 (một) xe đạp, loại máy đầm, màu đen, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của ông Võ Văn X (ông Nội của bị cáo T1), ông X không biết việc bị cáo T1 sử dụng tài sản vào mục đích phạm tội. Ngày 17 tháng 01 năm 2022, Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định trả lại cho ông X.

Kết luận giám định số 760/KL-KTHS ngày 10 tháng 8 năm 2021, của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận:

Tinh thể rắn chứa trong 01 bịch nylon hàn kín được niêm phong trong phong bì thư nêu trên gửi đi giám định là chất ma túy, có tổng khối lượng 0,262 gam, loại Methamphetamine (số thứ tự 323 thuộc Danh mục II, Nghị định số 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ).

Dung dịch lỏng chứa trong 01 chai dung dịch vệ sinh mũi có nhãn hiệu CHEKAT, nắp đậy màu hồng, thân chai màu xanh-trắng được niêm phong trong cùng bì thư nêu trên gửi giám định không phát hiện thành phần các chất ma túy, tiền chất ma túy thường gặp, thể tích 40 mililit.

Quá trình điều tra, bị cáo Võ Quốc T1 thừa nhận số ma túy bị bắt quả tang là bị cáo T1 đi lấy về cho bị cáo Dương Quốc T và Trần Văn C để cùng sử dụng chung.

Đối với bị cáo Dương Quốc T thừa nhận, ngày 01/8/2021, bị cáo T có bán ma túy cho Nguyễn Hoài B và Võ Văn T6 với số tiền 1.000.000 đồng với thủ đoạn: Bị cáo T liên lạc với người thanh niên, không rõ họ tên địa chỉ ở thị xã T để mua túy với là 500.000 đồng, còn 500.000 đồng là T hưởng lợi. T đưa 1.000.000 đồng nhờ Huỳnh Bảo T8 đi lấy ma túy. Nhưng do T không có nói giá với T8 nên

T8 đã đưa hết số tiền 1.000.000 đồng cho người thanh niên bán ma túy. Sau khi nhận được ma túy do T giao, thì B, T6 lấy ma túy ra sử dụng tại nhà của bị cáo C, thì phát hiện không phải là ma túy mà là phèn chua.

Vào ngày 02/8/2021, T đến nhà của C và rủ C hùn tiền 300.000 đồng (mỗi người 150.000 đồng) mua ma túy về sử dụng. C im lặng (hiểu là bị cáo C đồng ý) nên T mượn điện thoại của C để liên lạc với Chí T9 (không rõ họ và địa chỉ cụ thể, ở thị xã T, tỉnh An Giang) hỏi mua ma túy. T nói với Chí T9 gửi qua Bến đò số X giùm, nhưng Chí T9 nói “Chừng nào có cho hay”. Lúc này, T hỏi C “Lỡ nó gửi qua rồi sao đi lấy anh N1, ai đi nhận?”. C trả lời “Đề điện cho T1 xuống đi lấy rồi cho nó chơi chung luôn”. Sau đó, C trực tiếp liên lạc với T1, nói với T1 xuống nhà C, để đi lấy ma túy về sử dụng. Khi T1 đến thì T mượn điện thoại của T1 để liên lạc với Chí T9 lần nữa, nhưng Chí T9 không nghe máy nên nhắn tin với nội dung “để hút luôn đi khỏi gửi qua”. Lúc này, B, T6 và M đến gặp T để giải quyết việc mua bán ma túy đêm 01/8/2021, nên T đi chỗ khác để nói chuyện. T cho rằng việc liên lạc với Chí T9 để hỏi ma túy đã kết thúc nên không liên quan đến T và cũng không nhờ T1 đi lấy ma túy về sử dụng. Tuy nhiên, qua lời khai của T1 và C, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết quả giám định chất ma túy và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì hành vi của T đã đủ yếu tố cấu thành Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với Trần Văn C không thừa nhận cùng T hùn tiền mua ma túy tàng trữ cùng nhau sử dụng, cũng không nói với T1 đi lấy ma túy. Tuy nhiên, qua lời khai của các bị cáo T, T1, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết quả giám định chất ma túy và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì hành vi của C đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại Cáo trạng truy tố số 16/CT-VKSHN ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Qua diễn biến tại phiên tòa, hành vi của bị cáo T1 có căn cứ xác định phạm tội nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố, nên căn cứ Điều 325 của Bộ luật Tố tụng hình sự, kết luận về tội nhẹ hơn cho bị cáo T1, đề nghị: Áp dụng Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51 (đối với T1), khoản 2 Điều 51 (đối với T), điểm o khoản 1 Điều 52 (đối với T và C), điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 251 (đối với T) của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS), tuyên bố các bị cáo phạm tội; xử phạt Dương Quốc T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” và từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt từ 04 năm đến 05 năm tù; Bị cáo Trần Văn C từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo Võ Quốc T1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về vật chứng: Căn cứ các Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự tuyên tịch thu, tiêu hủy: Ma túy còn lại sau giám định, vỏ chai dung dịch vệ sinh mũi có nhãn hiệu CHEKAT, 01 đoạn băng keo vải màu trắng, 02 sim số 0586.194.797 và 0798.079.186. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen, đã qua sử dụng. Buộc Võ Văn T6 nộp lại số tiền 500.000 đồng.

Đối với người thanh niên tên D1 (không rõ họ và chữ lót, địa chỉ cụ thể), qua lời khai của Nguyễn Văn T7 bán ma túy cho bị cáo T vào đêm 01/8/2021, địa điểm giao ma túy ở thị xã T, tỉnh An Giang và người thanh niên tên Chí T9 (không rõ họ và chữ lót, địa chỉ cụ thể), bán ma túy cho các T và C vào ngày 02/8/2021, địa điểm giao ma túy ở thị xã T, tỉnh An Giang. Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm rõ xử lý sau.

Nguyễn Hoài B và Võ Văn T6, thừa nhận vào đêm 01/8/2021 cả hai hùn tiền 1.000.000 đồng (mỗi người 500.000 đồng) mua ma túy của T để sử dụng. Bị cáo T giao không phải là ma túy mà là phèn chua (sử dụng tại nhà bị cáo C) và đã ném bỏ (không thu được). Riêng Võ Văn T6 thừa nhận vào ngày 02/8/2021, có hỏi mua ma túy của bị cáo T với giá 500.000 đồng (mượn của M 300.000 đồng), nhưng chưa nhận ma túy và chưa đưa tiền cho T, nên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với B và T6.

Nguyễn Văn T7 là người giới thiệu người bán ma túy (cho số điện thoại) cho T để liên lạc mua ma túy vào đêm ngày 01/8/2021. Nhưng T7 không biết mục đích của bị cáo T mua ma túy về để bán lại cho người khác. Vì vậy, không xem xét trách nhiệm hình sự đối với T7.

Huỳnh Bảo T8 là người được bị cáo T nhờ đi lấy ma túy vào đêm 01/8/2021, nhưng không phải là ma túy (phèn chua). T8 không biết việc T bán ma túy, cũng không hưởng lợi từ việc đi nhận ma túy (phèn chua). Vì vậy, không xem xét trách nhiệm hình sự đối với T8.

Đối với Dương Chí M là người Võ Văn T6 nhờ chở đến gặp T để mua ma túy vào đêm 01/8/2021, cùng nhau sử dụng và giải quyết việc ma túy giả vào ngày 02/8/2021. Về ý thức, M không biết T6 đi mua ma túy, nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với M.

Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền Nguyễn Hoài B và Võ Văn T6 hùn lại 1.000.000 đồng mua ma túy nhưng T giao không phải là ma túy (phèn chua) B và T6 không yêu cầu bị cáo T bồi thường. Số tiền 1.000.000 đồng đã đưa cho người tên D1 bán ma túy, không làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Số tiền 300.000 đồng, T6 mượn của M để mua ma túy vào ngày 02/8/2021, nhưng không mua được và T6 chưa trả. M không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

02 bị cáo C và T1 không có ý kiến bào chữa, tranh luận. Bị cáo T không đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên.

Luật sư H bào chữa cho bị cáo T1 đề nghị căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 101 của BLHS xem xét cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư T5 bào chữa cho bị cáo T: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, tuy nhiên cần xem xét đối với tội danh tàng trữ là phải được cất giấu. Đề nghị xem xét các tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có người thân là liệt sỹ, có công cách mạng, có con còn nhỏ đại theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Kiểm sát viên đối đáp: Đối với luật sư H đề nghị áp dụng Điều 54 của BLHS là chưa phù hợp vì bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của BLHS nên không thể áp dụng Điều 54 được. Đối với bị cáo T thì chưa thành khẩn khai báo, không thừa nhận hành vi phạm tội.

Lời sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ để về lo cho gia đình, con bị cáo còn nhỏ.

Bị cáo C xin giảm nhẹ hình phạt về phụng dưỡng cha già.

Bị cáo T1 đã biết ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt về với gia đình làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Trong phần luận tội, Kiểm sát viên đề nghị kết tội bị cáo T1 về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” (có mức hình phạt tù tại khoản 1 là từ 01 năm đến 05 năm) là nhẹ hơn “Tội vận chuyển trái phép chất ma túy” (có mức hình phạt tù tại khoản 1 là từ 02 năm đến 07 năm), phù hợp với bản chất của vụ án, hành vi của bị cáo T1 là đi lấy ma túy tàng trữ để về sử dụng chung với các bị cáo T và C

nên chấp nhận đề nghị kết luận về tội nhẹ hơn của Kiểm sát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 321 và khoản 1 Điều 325 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, bị cáo T thừa nhận có nhận tiền của Nguyễn Hoài B và giao ma túy cho B nhưng thực tế là phèn chua. Bị cáo T1 nhận tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Hai bị cáo T và C không thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Lời khai các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đã chứng minh được:

[4] Cả 3 bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[5] Bị cáo T có hành vi bán ma túy cho B thể hiện, đã trực tiếp nhận số tiền 1.000.000đ, liên hệ với người tên Giúp mua ma túy và đã trực tiếp giao ma túy cho B. Tuy thực tế, bị cáo giao phèn chua nhưng ý thức của bị cáo là bán ma túy nên đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm mua bán trái phép chất ma túy.

[6] Bị cáo T rủ bị cáo C hùn tiền mua ma túy về sử dụng và trực tiếp gọi điện liên hệ mua ma túy của người tên Chí T9, có thống nhất với C kêu T1 đi lấy, từ đó bị cáo T1 mới có thể lấy được ma túy. Bị cáo C tuy không nói đến việc hùn tiền, nhưng cũng thể hiện đồng ý bằng việc cho T mượn điện thoại để liên hệ mua ma túy về sử dụng và cũng đã trực tiếp gọi điện cho T1 đến nhà. Sau khi các bị cáo gặp nhau thì T1 mới đi lấy ma túy về nhằm mục đích sử dụng chung. Ma túy có tổng khối lượng 0,262 gam, loại Methamphetamine nên đã đủ căn cứ cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê. Các bị cáo đều đã từng mua ma túy về sử dụng chung. Bị cáo C là người thực hành cho mượn điện thoại và gọi cho T1. Bị cáo T1 là người thực hành, trực tiếp đi lấy ma túy và bị bắt quả tang.

[7] BLHS quy định:

“Điều 17. Đồng phạm

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm...”

“Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

“Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. ...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[8] Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo T phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”; Các bị cáo T, C và T1 là đồng phạm phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[9] Về tính chất, mức độ nghiêm T7 của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Các bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành.

[10] Hậu quả do hành vi phạm tội của **các bị** cáo gây ra đã xâm phạm đến chế độ quản lý các chất ma túy, gây khó khăn cho việc kiểm soát chất ma túy của Nhà nước; ảnh hưởng **rất nghiêm** T7 đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh bình thường của con người. Ma túy là chất gây nghiện, chất hướng thần, việc mua bán, sử dụng phải được cơ quan chức năng của Nhà nước cho phép. Bởi lẽ, hậu quả của việc sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho xã hội là rất nặng nề, nó gây tác hại lâu dài cho nòi giống, phát sinh mâu thuẫn trong cộng đồng, làm tiêu hao tiền bạc của bản thân và gia đình của người sử dụng, gây tổn hại về tình cảm, ảnh hưởng đến đạo đức, thuần phong mỹ tục lâu dài của dân tộc. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, đối tượng nghiện muốn có tiền để sử dụng ma túy, còn có thể phát sinh các loại tội phạm khác như trộm cắp, mại dâm, thậm chí cướp tài sản, giết người...

[11] Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, **rất nguy** hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[12] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Bị cáo T từng có 01 tiền sự.

[13] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả T và C cùng thống nhất kêu T1 là người dưới 18 tuổi đi lấy ma túy về sử dụng chung nên thuộc trường hợp xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS.

[14] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tuy hai bị cáo T và C cho rằng hành vi của các bị cáo không phạm tội, nhưng đã khai rõ hành vi của mình đã thực hiện, lời nói sau cùng các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt, do đó cả 03 bị cáo

đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, riêng bị cáo T có bà nội là người có công cách mạng, con của bị cáo sinh năm 2020, còn nhỏ, nên Hội đồng xét xử xem xét là các tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Căn cứ vào các tình tiết vừa nêu để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[15] Đối với đề nghị áp dụng Điều 54 BLHS của Luật sư H là chưa đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS: *“Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật này”*. Do bị cáo T1 chỉ có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên không chấp nhận đề nghị này của Luật sư H.

[16] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T1 đã trên 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng mức hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 101 BLHS.

[17] Về hình phạt bổ sung: Điều kiện kinh tế của các bị cáo làm thuê, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[18] Về trách nhiệm dân sự: Không có phát sinh nên không xem xét.

[19] Về xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm: Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[20] Riêng đối với đề nghị buộc Võ Văn T6 nộp lại số tiền 500.000đ, trong cáo trạng cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên không nêu rõ là tiền gì, trong khi số tiền B và T6 hùn 1.000.000đ mua ma túy thì đã giao cho T, còn số tiền 500.000đ dự định tiếp tục mua ma túy của T thì T đã từ chối không bán. Do đó, không có căn cứ để buộc T6 nộp lại số tiền này.

[21] Các vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập là phù hợp.

[22] Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Dương Quốc T phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” và đồng phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Dương Quốc T 02 (hai) năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt chung là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 12 năm 2021.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn C đồng phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 12 năm 2021.

3. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Võ Quốc T1 đồng phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Võ Quốc T1 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 12 năm 2021.

4. Về xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu tiêu hủy: Mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định có tổng khối lượng 0,217 gam, được niêm phong trong cùng phong bì ghi “Niêm phong số: 763, ngày 07/8/2021”, có đóng hình dấu tròn màu đỏ của “Phòng kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Đồng Tháp” và có các chữ ký ghi rõ họ tên: Lê Minh V, Nguyễn Văn Bé N2 và Võ Quốc T1; Dung dịch lỏng đã qua sử dụng hết cho công tác giám định, vỏ chai dung dịch vệ sinh mũi có nhãn hiệu CHEKAT, nắp đậy màu hồng, thân chai màu xanh - trắng, ghi thể tích 75ml, được niêm phong lại trong phong bì thư ghi “Niêm phong số 760, ngày 13/8/2021, có đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Đồng Tháp” và có các chữ ký ghi rõ họ tên: Lê Minh V, Nguyễn Văn B; 01 (một) bịch nylon, màu đen; 01 (một) đoạn băng keo vải màu trắng; 02 (hai) sim số là 0586.194.797 và 0798.079.186.

4.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen, đã qua sử dụng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23 tháng 3 năm 2022.

5. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết số X26/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Dương Quốc T, Trần Văn C và Võ Quốc T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23 tháng 5 năm 2022). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú